

lao trần mạc mà được trải trao tiết việt.⁽¹⁾ Nào hay hấn nguyên chẳng phải giống hay hóm gì, cuối cùng cậy công ngạo mạn càn rỡ, tạo thành mối loạn; nay đã nêu đúng tội danh hấn,⁽²⁾ đủ để răn đe. Lại nghĩ bọn yêm hoạn không đáng trao cho chức vị, nhưng chức danh ở chốn vĩnh hạng, hoàng môn⁽³⁾ cũng không thể thiếu được, nên không thể không lập rõ quy chế, xếp riêng thành thứ bậc, không dự vào phẩm cấp quan lại và không được xem là hạng tẩn thân.⁽⁴⁾ Nay chuẩn định năm bậc yêm hoạn: Quản vụ thái giám và Điền sự thái giám là bậc trên hết; Kiểm sự thái giám và Phụng nghi thái giám là bậc nhì; Thừa vụ thái giám và Điền nô thái giám là bậc giữa; Cung sự thái giám và Hộ nô thái giám là bậc áp chót; Cung phụng thái giám và Thừa biện thái giám là bậc chót.⁽⁵⁾ Kẻ nào làm công việc này, dùng để sai bảo trong cung, vĩnh viễn không cho dự vào phẩm cấp quan lại triều đình. Lại các chức [thái giám] nêu trên chỉ để sai khiến và truyền lệnh ở nội đình mà thôi, nhất thiết không may can dự vào các việc bên ngoài thuộc triều chính. Kẻ nào vi phạm điều này tất phải trừng phạt nặng, không chút xem xét dung thứ.

Trẫm thiết tha căn dặn cốt lập nên phép tắc tốt đẹp lớn lao cho đời sau. Lời dụ này chép cho Quốc Tử Giám khắc vào bia đá, lại chép giao Quốc Sử Quán cất giữ, truyền cho con cháu ta vụn vụn năm, đời đời nghiêm ngặt tuân thủ mà không được thay đổi. Ví như có ai muốn thay đổi, thì trong triều ngoài quận, các quan nên lấy lời trẫm đem ra mà can ngăn để sửa lỗi lầm; con cháu ta cũng nên sáng suốt mà tỉnh ngộ, làm theo phép tắc cũ chứ không được tự tiện đổi thay, gây hại không nhỏ. Phải hết sức dè chừng! Nên hết sức thận trọng!

Kính đây!

Nhưng trên thực tế lịch sử, triều Nguyễn không bị hoạn quan “làm loạn” mà lại bị đại thần, tôn thất “làm loạn”, như những vụ phế lập cuối thế kỷ XIX do Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chủ trì. Công bằng mà nói, tội trạng của Lê Văn Duyệt chẳng bao nhiêu so với công lao hấn mã to lớn mà tên “xuất thân hoạn quan, vốn là gia nô” đã đóng góp rất nhiều cho triều đại buổi đầu, và thủy chung, nhân dân Nam Bộ vẫn kính nể, mến phục ông. Ở Huế hiện còn khu nhà vườn và phủ thờ Lê Văn Duyệt tại Kim Long.

⁽¹⁾ Tiết là cờ lệnh do vua ban, tượng trưng cho sứ giả thay vua đi làm việc nơi xa, việt là cái búa vàng cũng do vua ban khi phong cho chức tướng soái.

⁽²⁾ Vua Minh Mạng vốn có ác cảm với Lê Văn Duyệt vì ông không ủng hộ mình nối ngôi vua Gia Long, song không làm gì được trước thế lực của Lê Văn Duyệt. Mãi đến sau khi bình định được loạn Lê Văn Khôi (là con nuôi của Duyệt), vua Minh Mạng mới cho đình thần vạch lông tìm vết, hải tội xiềng mã, tịch thu gia sản của ông. Từ Lê Văn Duyệt mà vua Minh Mạng giận lây, khinh ghét cả hoạn quan.

⁽³⁾ Vĩnh hạng là đường xá trong cung, hoàng môn là các cửa điện. Chỉ các hoạn quan trông coi nơi ở của các cung phi, cung nữ. Nếu người bình thường làm việc này, thì khó tránh khỏi sự “tàng tị” với những cô gái đang độ xuân thì mà bị “giam giữ” trong cung cấm.

⁽⁴⁾ Tẩn thân: cái hốt cầm tay và cái đai thắt ngang lưng, hai vật quan trọng của các quan khi vào chầu vua; muốn tâu báo điều gì, hai tay cầm hốt nâng lên ngang trán. Chỉ hàng quan chức triều đình, do tiến cử, khoa cử mà lên.

⁽⁵⁾ Họ được phiên chế vào một tổ chức nội đình, gọi là Cung Giám Viện, để dễ điều hành.

SƠ KHẢO VỀ TÂM MỘ PHI TÀN TRIỀU NGUYỄN

Đỗ Minh Điền*

1. Dẫn nhập

1.1. “Sinh ký tử quy” (sống gửi thác về) là nếp nghĩ hằn in sâu trong tâm thức người Việt. Chính vì thế, từ đấng quân vương cho đến dân thường bách tính vẫn luôn trăn trở nơi chốn đi về. Sinh thời các vị vua nhà Nguyễn đều dày công kiếm tìm những cuộc đất lý tưởng cho riêng mình. Sự nguy nga, đồ sộ của các lăng tẩm, không đơn thuần chỉ để khẳng định “danh phận” cao quý, mà còn là an nguy của cả dòng họ. Và, việc ấn định quy cách nơi “an nghỉ” của các phi tàn cũng không nằm ngoài suy nghĩ đó.

1.2. Tâm mộ phi tàn là những công trình do triều đình trực tiếp chỉ định xây dựng và quản lý, đây là bộ phận hợp thành hệ thống kiến trúc lăng tẩm cung đình triều Nguyễn. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, toàn bộ di sản này ít được quan tâm, nghiên cứu. Thông qua các nguồn sử liệu, kết hợp kết quả điền dã, trong bài viết này, chúng tôi tập trung khảo sát, sơ lược tìm hiểu một số tâm mộ của các phi tàn nhà Nguyễn⁽¹⁾ hiện đang tồn tại trên đất Huế. Qua đó, nhằm làm rõ cấu trúc, hiện trạng và bước đầu đánh giá giá trị của hệ thống tâm mộ phi tàn nhà Nguyễn.

2. Phi tàn triều Nguyễn: danh phận và địa vị

2.1. Định lệ của triều Nguyễn về hệ thống Cung giai

Trong xã hội phong kiến, “Phi tàn” (妃嬪) hoặc “Tàn ngự” (嬪御) là cách gọi chung về nàng hầu, thiếp của bậc đế vương. Kế thừa điển lệ của các triều đại trước đó, triều Nguyễn thiết đặt định lệ Cung giai trên cơ sở phân chia thứ bậc, định hình hệ thống quy chế nội cung (tước hiệu, lương bổng...) dành riêng cho tầng lớp nữ nhân cuối cùng trong lịch sử chế độ quân chủ ở Việt Nam.

Những ghi chép đầu tiên về hệ thống Cung giai nhà Nguyễn được các sử quan nhà Nguyễn mô tả khá cụ thể trong các bộ sử như: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Đại Nam thực lục*. Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (Bộ Lễ 禮部, mục Sách phong Cung giai, quyển 76), chép: 國初例定宮階, 三妃曰: 貴妃, 明妃, 敬妃。三修曰: 修儀, 修容, 修媛。九嬪曰: 貴嬪, 賢嬪, 莊嬪, 德嬪, 淑嬪, 惠嬪, 麗嬪, 安嬪, 和嬪。三昭曰: 昭儀, 昭容, 昭媛。三充曰: 充儀, 充容, 充媛。六職曰: 婕妤, 容華, 儀人, 才人, 靈人, 良人。 “buổi Quốc sơ [ban hành] định lệ Cung giai, [gồm có] **Tam phi**: Quý phi, Minh

* Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế.

phi, Kính phi; **Tam tu**: Tu nghi, Tu dung, Tu viên; **Cửu tần**: Quý tần, Hiền tần, Trang tần, Đức tần, Thục tần, Huệ tần, Lệ tần, An tần, Hòa tần; **Tam chiêu**: Chiêu nghi, Chiêu dung, Chiêu viên; **Tam sung**: Sung nghi, Sung dung, Sung viên; **Lục chức**: Tiệp dư, Dung hoa, Nghi nhân, Tài nhân, Linh nhân, Lương nhân”.⁽²⁾

“Quốc sơ” trong đoạn tư liệu mà chúng tôi đã dẫn ở trên, có lẽ ám chỉ khoảng thời gian trước khi vua Gia Long lên ngôi và thực tế như chúng ta thấy, danh hiệu “Chiêu nghi” đã từng tồn tại trong hệ thống “hậu cung” chúa Nguyễn. Như vậy, rất có thể, chế độ Cung giai thời chúa Nguyễn phần nào chầm chước theo điển chế triều Lê.⁽³⁾

Đến triều vua Minh Mạng [1820 - 1840], danh hiệu, tước vị của nội cung nhà Nguyễn được cải đổi và từng bước định rõ hơn về phương diện thứ bậc. Ý định đó đã được vị vua thứ hai nhà Nguyễn khẳng định rất rõ: “nghi lễ ở trong cung cũng nên phân biệt thứ bậc, để rõ thứ tự nhất định [...] khiến cho trong chốn khuê môn được trật tự phân minh, để tỏ phong hóa tôn nghiêm, tuân theo mãi mãi”.⁽⁴⁾ Năm Minh Mạng thứ 17 [1836] quy định “đặt làm 9 bậc ở nội cung, đặt 1 Hoàng Quý phi ở trên bậc nhất để giúp Hoàng Thái hậu trông coi lương thực ở trong cung, chỉnh tề công việc bên trong”.⁽⁵⁾

Theo đó, danh hiệu và thứ bậc lần lượt như sau: [1] Nhất giai: Quý phi (貴妃), Hiền phi (賢妃), Thần phi (宸妃); [2] Nhị giai: Đức phi (德妃), Thục phi (淑妃), Huệ phi (惠妃); [3] Tam giai: Quý tần (貴嬪), Hiền tần (賢嬪), Trang tần (莊嬪); [4] Tứ giai: Đức tần (德嬪), Thục tần (淑嬪), Huệ tần (惠嬪); [5] Ngũ giai: Lệ tần (麗嬪), An tần (安嬪), Hòa tần (和嬪); [6] Lục giai: Tiệp dư (婕妤); [7] Thất giai: Quý nhân (貴人); [8] Bát giai: Mỹ nhân (美人); [9] Cửu giai: Tài nhân (才人).⁽⁶⁾ Vào năm Minh Mạng thứ 19 [1838], đổi thứ vị Lệ tần (麗嬪), An tần (安嬪), Hòa tần (和嬪) ở “Ngũ giai” thành An tần (安嬪), Hòa tần (和嬪), Lệ tần (麗嬪).

Sau lần ban hành lệ định Cung giai vào năm 1836, hậu cung nhà Nguyễn cơ bản được phân thành: Tần ngự Sách phong (từ Nhất giai đến Tài nhân vị nhập giai), Tần ngự không có Sách phong (Cung nhân, Cung nga, Thị nữ), dưới nữa có Nữ quan, Cung nữ. Gần 7 năm sau đó, năm 1843, vua Thiệu Trị tiến hành điều chỉnh hệ thống “Cửu giai” và dưới danh hiệu Hoàng Quý phi sẽ có: [1] Nhất giai: Quý phi (貴妃), Đoan phi (端妃), Lệnh phi (令妃); [2] Nhị giai: Thành phi (誠妃), Trinh phi (貞妃), Thục phi (淑妃); [3] Tam giai: Quý tần (貴嬪), Lương tần (良嬪), Đức tần (德嬪); [4] Tứ giai: Huy tần (徽嬪), Ý tần (懿嬪), Nhu tần (柔嬪); [5] Ngũ giai: Nhân tần (嫻嬪), Nhã tần (雅嬪), Thuận tần (順嬪); [6] Lục giai: Tiệp dư (婕妤); [7] Thất giai: Quý nhân (貴人); [8] Bát giai: Mỹ nhân (美人); [9] Cửu giai: Tài nhân (才人).⁽⁷⁾

Tất cả những thiết đặt và điều chỉnh bởi hai vị vua tiền triều, đến đời vua Tự Đức [1848 - 1883] lại tiếp tục được cải đổi. Chủ ý của đợt “chuẩn định thứ bậc” Cung giai vào năm 1850 (xem bảng 1) được vua Tự Đức “tự thuật” như sau: “Đạo, Vương gia trước ở sửa đạo nhà, thế cho nên ở thiên Chu quan thi hành phép tắc, tất lấy ý nghĩa của thơ Quan thư, Lân chi làm gốc, vì lễ nghi chính sự ở trong cung cấm là nền tảng của vương hóa vậy. Thánh tổ Nhân Hoàng đế ta [vua Minh Mạng], tham xét điển lễ đời xưa, chuẩn định thứ bậc ở trong cung, thực là phép hay của muôn đời. Trẫm nghĩ: Chính trị của vương giả tất từ sửa trị trong nhà trước, thứ bậc ở trong cung, cũng nên định rõ cấp bậc”.⁽⁸⁾

Tuy vậy, danh hiệu, tước vị Cung giai không hoàn toàn cố định mà được thay đổi qua các triều vua và thậm chí trong cùng một đời vua. Chẳng hạn, năm 1861, vua Tự Đức cho đổi Cần phi (Nhị giai) thành Đôn phi, Thái tần (Tam giai) thành Diệu tần, Giai tần (Tứ giai) thành Lượng tần và sau đó [1862] đổi Chiêu phi (Nhị giai) thành Mẫn phi, Tĩnh tần (Ngũ giai) thành Hậu tần. Trong cả ba lần điều chỉnh, chủ yếu tập trung thay đổi danh hiệu của bậc Phi, Tần, từ Nhất giai đến Ngũ giai và từ Tiệp dư Lục giai trở xuống trước sau đều theo lệ định “sơ chế” năm 1836. Trên thực tế, có rất nhiều danh hiệu của phi tần như bà “Bằng phi (chết sớm), Học phi (mẹ nuôi vua Kiến Phúc), Ân phi Hồ Thị Chi,⁽⁹⁾ hay các trường hợp “tán phong” vào năm Hàm Nghi thứ nhất [1885]: “Quan phi (觀妃) Trần Đăng thị, Giai phi (偕妃) Phan Văn thị, Chánh tần (正嬪) Hồ Văn thị, Nghi tần (宜嬪) Lê thị, Dự tần (豫嬪) Trần Văn thị”⁽¹⁰⁾ là những danh hiệu không thấy trong thang bậc Cửu giai.

Thiết đặt về thứ bậc Cung giai là một nỗ lực của chính quyền nhà Nguyễn nhằm “điển chế hóa” và xác lập hệ thống nội cung trên cơ sở phân cấp theo vị thứ. Cùng với định chế về Quan giai, hệ thống Cung giai bộc lộ quan điểm về mô hình tổ chức của một triều đại được xây dựng dựa trên nền tảng tư tưởng Nho giáo.

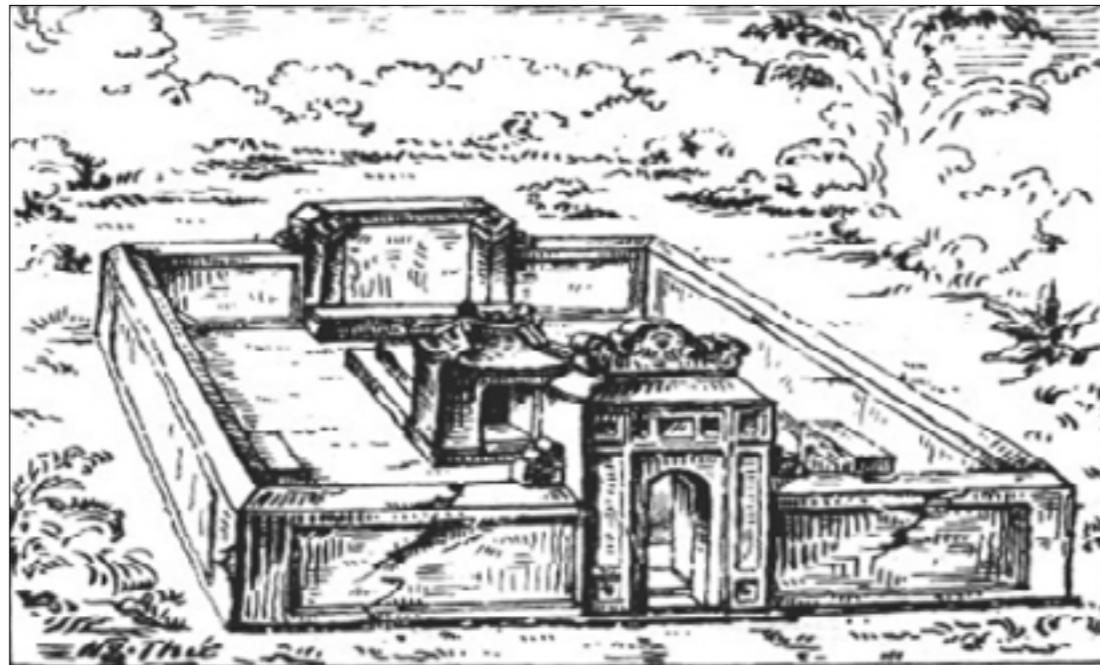
Bảng 1: Bảng lược kê một số đợt điều chỉnh hệ thống Cung giai dưới thời nhà Nguyễn

Stt	Bậc	Minh Mạng 17 [1836]	Thiệu Trị 03 [1843]	Tự Đức 03 [1850]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
01	Nhất giai	Quý phi (貴妃) Hiền phi (賢妃) Thần phi (宸妃)	Quý phi (貴妃) Đoan phi (端妃) Lệnh phi (令妃)	Thuần phi (純妃) ⁽¹¹⁾ Thiện phi (善妃) Nhã phi (雅妃)
02	Nhị giai	Đức phi (德妃) Thục phi (淑妃) Huệ phi (惠妃)	Thành phi (誠妃) Trinh phi (貞妃) Thục phi (淑妃)	Cung phi (恭妃) Cần phi (勤妃) Chiêu phi (昭妃)
03	Tam giai	Quý tần (貴嬪) Hiền tần (賢嬪) Trang tần (莊嬪)	Quý tần (貴嬪) Lương tần (良嬪) Đức tần (德嬪)	Khiêm tần (謙嬪) Thận tần (慎嬪) Nhân tần (嫻嬪) Thái tần (泰嬪)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
04	Tứ giai	Đức tần (德嬪) Thục tần (淑嬪) Huệ tần (惠嬪)	Huy tần (徽嬪) Ý tần (懿嬪) Nhu tần (柔嬪)	Khoan tần (寬嬪) Giai tần (佳嬪) Tuệ tần (慧嬪) Giản tần (簡嬪)
05	Ngũ giai	Lệ tần (麗嬪) An tần (安嬪) Hòa tần (和嬪)	Nhàn tần (嫺嬪) Nhã tần (雅嬪) Thuận tần (順嬪)	Tĩnh tần (靜嬪) Cẩn tần (謹嬪) Tín tần (信嬪) Uyển tần (婉嬪)
06	Lục giai	Tiếp dư (婕妤)	Tiếp dư (婕妤)	Tiếp dư (婕妤)
07	Thất giai	Quý nhân (貴人)	Quý nhân (貴人)	Quý nhân (貴人)
08	Bát giai	Mỹ nhân (美人)	Mỹ nhân (美人)	Mỹ nhân (美人)
09	Cửu giai	Tài nhân (才人)	Tài nhân (才人)	Tài nhân (才人)

2.2. Về quy cách xây dựng tẩm mộ phi tần triều Nguyễn

Thứ bậc trong nội cung như chúng ta thấy, quyết định rất lớn đến danh phận và địa vị của các bà lúc còn tại thế. Không chỉ là vinh hoa, phú quý, với một chế độ đãi ngộ khá hậu hĩ về lương bổng, gạo tiền..., mà vị thứ này sẽ ấn định toàn bộ quy cách tẩm mộ sau ngày về “cõi vĩnh hằng”.



Hình 1: Mộ bà Cung nhân Trần thị. Nguồn: BAVH.

2.2.1. Quy cách tẩm mộ

Hai năm sau ngày thiết đặt hệ thống Cung giai, năm 1838, vua Minh Mạng chính thức ban hành quy định kiểu thức xây dựng viên tẩm. Sách *Khâm định Đại*

Nam hội điển sự lệ, quyển 216, mục “Quy thức Viên tẩm” (園寢規式) cho biết, viên tẩm của Phi, thành nội cao 4 thước 1 tấc (1,64m),⁽¹²⁾ dài 2 trượng 7 thước (10,8m), rộng ngang 2 trượng 7 tấc (8,28m). Tường gạch ngoài [thành ngoại] cao 4 thước 5 tấc (1,8m), dài 5 trượng 4 thước (21,6m), rộng ngang 4 trượng 5 thước (18m). Viên tẩm của Tần, thành nội cao 4 thước 1 tấc (1,64m), dài 4 trượng 3 thước (17,2m), rộng ngang 2 trượng 3 tấc (8,12m). Thành ngoại cao 4 thước 1 tấc (1,64m), dài 3 trượng 5 thước (14m), rộng ngang 3 trượng 6 thước (14,4m).

Phần mộ từ Tiệp dư trở xuống, thành nội cao 3 thước 3 tấc (1,32m), dài 2 trượng 1 thước (8,4m), rộng ngang 1 trượng 8 thước (7,2m). Thành ngoại cao 4 thước (1,6m), dài 3 trượng 6 thước (14,4m), rộng ngang 3 trượng 1 thước (12,4m).⁽¹³⁾

Như vậy, theo quy định nói trên, với hàng phi tần đều gọi chung là “tẩm” và từ Tiệp dư trở xuống thì gọi là “mộ”. Thế nhưng, về sau, chúng tôi nhận thấy rất nhiều bia mộ của hàng Tiệp dư vẫn khắc ghi là “tẩm”.

Về kiến trúc tẩm mộ, ngoài hệ thống la thành (thành nội và thành ngoại), thì “phía trong cửa đằng trước bình phong, dựng một bia đá [...] trước xây thêm sân bái đình cao 3 cấp, tường hai bên tả hữu chung quanh cao 1 thước 8 tấc (0,72m), chu vi giới cấm đều 12 trượng (48m), chỗ giáp giới xây đắp trụ gạch để làm giới hạn”.⁽¹⁴⁾

Đối với mộ của hàng Tài nhân vị nhập giai, theo quy định vào năm 1870, thành nội cao 3 thước (1,2m), dày 1 thước 2 tấc (0,48m), dài 2 trượng (8m), rộng 1 trượng 5 thước (6m). Thành ngoại cao 3 thước 5 tấc (1,4m), dày 1 thước 5 tấc (0,6m), dài 3 trượng (12m), rộng 2 trượng 5 thước (10m). Chung quanh giới cấm đều 7 trượng (28m). Mộ Cung nhân, tường cao 3 thước (1,2m), dày 1 thước 2 tấc (0,48m), dài 2 trượng 8 thước (11,2m), rộng 2 trượng 2 thước (8,8m). Mộ Cung nga, thành cao 2 thước 8 tấc (1,12m), dày 1 thước 1 tấc (0,44m), dài 2 trượng 5 thước (10m), rộng 2 trượng (8m). Mộ của Thị nữ thân tường cao 2 thước 5 tấc (1m), dày 1 thước (0,4m), dài 2 trượng 2 thước (8,8m), rộng 1 trượng 8 thước (7,2m).⁽¹⁵⁾ Căn cứ từ ghi chép của Quốc Sử Quán nhà Nguyễn, thì từ hàng Tài nhân vị nhập giai lên đến hàng Phi sẽ có hai vòng thành (thành nội, thành ngoại), riêng hàng Cung nhân, Cung nga và Thị nữ chỉ có một vòng thành.

Bia đá đối với viên tẩm của Phi “thân cao 2 thước 3 tấc 4 phân (0,936m), rộng 1 thước 3 tấc 5 phân (0,54m), dày 2 tấc 7 phân (0,108m). Đỉnh cao 7 tấc 2 phân (0,288m), dài 1 thước 8 tấc (0,72m), chân cao 5 tấc 4 phân (0,216m), dài 2 thước 2 tấc (0,88m), tất cả cao 3 thước 6 tấc (1,44m). Mặt đỉnh [trán bia] và chung quanh thân bia [diềm bia] và chân bia đều khắc hình hoa văn”.⁽¹⁶⁾

Đối với viên tẩm của Tần, bia đá thân cao 2 thước 2 tấc (0,808m), rộng 1 thước 1 tấc 7 phân (0,468m), dày 2 tấc 6 phân (0,104m). Đỉnh cao 5 tấc (0,2m), dài 1 thước 6 tấc 2 phân (0,648m), chân cao 4 tấc 1 phân (0,164m), dài 1 thước 8 tấc

Tiếp dư, thụy Trinh Mỹ Nguyễn Trinh thị thần vị 大南才人贈媿 好謚貞美阮貞氏神位); Mộ bà *Tiếp dư Vũ thị, thụy Nhu Thuận* (thần vị: Tiên triều Tiếp dư, thụy Nhu Thuận Vũ thị thần vị 先朝媿好謚柔順武氏神位)... Lý giải cho vấn đề này, theo thiên ý của chúng tôi, đây có thể là hiện tượng “bồi táng”, với chủ đích quy tụ tất cả các thành viên thân quyến quây quần sau ngày về với thế giới bên kia.

3.2. Cấu trúc tâm mộ

Những nghiên cứu đầu tiên về tâm mộ phi tần nhà Nguyễn nói chung, có lẽ công lao đó thuộc về học giả người Pháp. Trong công trình “*Tombeaux Annamites dans les environs de Hué*” (Lăng mộ của người An Nam ở vùng phụ cận Huế) của cô Linh mục L. Cadière, được đăng tải trên chuyên san *Bulletin des Amis du Vieux Hué (Những người bạn Cổ đô Huế)* vào năm 1928, đã “định vị” vị trí từng ngôi mộ cổ trên địa bàn các làng xã Phú Xuân (thôn/phường/ấp: Đệ Cửu, Xuân Sơn, Bình An, Trường Giang, Trường Cối), Phước Quả, An Cựu (thôn Tứ Tây, phường Thâm Khê, phường Đông Tháp, Trường Bàu, Ngự Bình, Mậm Đá), đồng thời khảo tả chi tiết toàn bộ kiến trúc tâm, mộ, tháp (la thành, cấu trúc mộ hình).



Hình 3: Tả mộ bà Lê tần Nguyễn Nhược thị. Ảnh: Tôn Thất Hộ.

Từ những ghi chép của thư tịch và thông qua kết quả điền dã, chúng tôi tạm khái quát cấu trúc tâm mộ phi tần nhà Nguyễn với các đơn nguyên kiến trúc chính sau: [1] La thành; [2] Cổng; [3] Bình phong tiền - chính - hậu; [4] Án thờ; [5] Nấm mộ; [6] Bia mộ.

- **La thành:** La thành của các tâm mộ có 1 hoặc 2 vòng thành (thành ngoại cao hơn thành nội), với dạng hình chữ nhật (phương hình), cân phân đến từng góc cạnh. La thành chủ yếu được xây bằng gạch, mũ tường dạng mái, riêng hệ thống thành ngoại có sử dụng các loại đá nhằm tận dụng triệt để nguồn vật liệu tại chỗ.

- **Nghi môn:** Sử quan nhà Nguyễn định danh dạng cửa này bằng cái tên “Nguyệt môn”. Cổng/cửa tâm mộ nằm chính giữa tường thành ngoại, chủ yếu được trở một lối đi, theo dạng cửa vòm.



Hình 4: Cổng mộ bà Cung nhân Nguyễn Văn thị. Ảnh: Đỗ Minh Điền.

- **Bình phong tiền, bình phong chính và bình phong hậu:** Khởi nguồn từ các yếu tố trong phong thủy, với chức năng chính che chắn tất cả yếu tố bất lợi xâm nhập. Đây là bộ phận không thể thiếu đối với mọi công trình cả dương cơ lẫn âm phần. Bình phong tiền được xây trước cổng tâm mộ, nằm chính giữa trục thần đạo. Bình phong tiền ở các tâm mộ phi tần triều Nguyễn có dạng hình chữ nhật, kích thước tương xứng với quy mô tâm mộ, được xây bằng gạch, bên ngoài trát vôi vữa truyền thống. Bình phong chính được bố trí ngay trước nấm mộ (phía sau cổng tâm mộ). Thông thường, trong cùng một tâm mộ ít khi có đầy đủ cả ba loại bình phong (tiền, chính, hậu).

Khác với hai loại bình phong tiền và bình phong chính đứng độc lập, bình phong hậu gắn liền với thành nội và được giât cao hơn so với la thành. Phần trên của bình phong được vuốt cong mềm mại, hai đầu vai nhún nhẹ tạo thành dạng hình “cuốn thư”. Trong nhiều trường hợp, bình phong hậu là nơi thiết dựng bia mộ. Bình phong tiền, bình phong chính chủ yếu là đắp các gờ chỉ nổi với đồ án trang trí chính là: chữ Thọ, Long mã (tả mộ bà Hòa tần Nguyễn thị), chim Phụng (mộ bà Quý nhân Cái thị)...

- **Án thờ (Hương án):** Nằm ở trước tâm mộ, đây là nơi đặt “bát nhang” và thiết soạn quả phẩm phục vụ việc cúng bái. Án thờ với kiểu hình chữ nhật, bốn góc án thờ được xây theo dạng “chân quỳ”.



Hình 5: Ân thờ mộ bà Cung nhân Phan thị. Ảnh: Tôn Thất Hộ.

- Kiểu thức mộ hình

Nấm mộ là vị trí quan trọng nhất trong tổng thể tấm mộ. Dưới một góc độ nào đó, thì kiểu thức mộ hình sẽ góp phần lột tả quan điểm thẩm mỹ và phản ánh nhân sinh quan gắn liền với một giai đoạn lịch sử. Cho dù chính sử nhà Nguyễn không mô tả chi tiết về kiểu thức mộ hình tấm mộ phi tần, nhưng với tất cả những chứng tích vật thể hiện tồn, phần nào giúp chúng ta hình dung rõ nét về các dạng thức của nấm mộ.

(1) Liếp (hay còn gọi sàng hình): đây là dạng mộ hình chiếm tỷ lệ cao nhất (85%) trong các kiểu mộ hình tấm mộ phi tần nhà Nguyễn. Dạng thức này được xây dựng khá đơn giản (trong cốt gạch, ngoài trát vữa), gồm có: 1 tầng, 2 tầng và 3 tầng, với các khối hình chữ nhật xếp chồng lên nhau.

(2) Trúc cách (hay còn gọi là Long đình), đây là “mô hình” thu nhỏ của một ngôi nhà, “hoặc gọi là Long đình, nghĩa là một kiểu nhà nhỏ giống như cái khám thờ trong đó người ta để những đồ thờ”.⁽²⁰⁾ Kiểu thức mộ hình này xuất hiện phổ biến vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX trở về trước và có rất nhiều dạng “biến thể”: [1] Dạng hai mái xuôi được xây trên liếp mộ hình chữ nhật khá thấp như trường hợp mộ của bà Quý nhân Nguyễn Hữu thị (Kim Long) hoặc phần mái (2 hoặc 4 mái) đặt trên khối hình chữ nhật mô phỏng kiểu nhà truyền thống như tấm bà Dương Thị Sự (Nguyệt Biểu); [2] Dạng cổ lâu: gồm có 4 mái, các bờ nóc, đầu hồi đều được trang trí, như tấm mộ bà Cung nhân Đặng Thị Yêu Diệu và Công chúa Bình Long (đường Bùi Thị Xuân).



Hình 6: Tấm bà Tín tần Nguyễn Thanh thị. Ảnh: Tôn Thất Hộ.



Hình 7: Mộ bà Quý nhân Nguyễn Hữu thị - Kim Long. Ảnh: Tôn Thất Hộ.

(3) Noãn hình (hình trứng), Quả hình: với kiểu hình trứng (như mộ bà Cửu giai Tài nhân Nguyễn thị ở chân núi Ngự Bình), trái đào (mộ bà Cung nhân Lê thị)... được xây trên liếp mộ hình chữ nhật. Dạng thức mộ hình này xuất hiện không phổ biến và thường gặp ở các tấm mộ có quy mô nhỏ. Noãn hình và Quả hình là dạng thức phản ánh quan điểm triết lý Âm - Dương (trên trời/tròn dưới đất/vuông), biểu tượng của khát vọng trường tồn, sinh sôi nảy nở.



Hình 8: Tẩm bà Cung nhân Đặng Thị Yếu Diệu và công chúa Bình Long. Ảnh: Đỗ Minh Điền.

- Chất liệu và kiểu dáng bia mộ

Bia ở tẩm mộ phi tần có kích thước khá nhỏ, thường được dựng ở phía trước mộ (có hoặc không có nhà bia) hoặc gắn ở vị trí chính giữa bình phong hậu. Đá Thanh là loại đá chủ đạo được dùng để khắc bia, ngoài ra còn có sự góp mặt của đá sa thạch. Về sau, chúng ta thấy sự hiện diện của một số loại bia bằng xi - măng. Tuy nhiên, đây là chất liệu không nằm trong dạng bia “chính thống” do triều đình trực tiếp chỉ đạo xây dựng và nó chỉ xuất hiện trong giai đoạn末年 của nhà Nguyễn, thậm chí có thể muộn hơn nhiều. Về kiểu dáng bia, có hai dạng chính:

(1) Dạng bia “hình Tam sơn”, “Ngũ nhạc” (hay còn gọi là bia Bài vị): phần trán bia, tai bia, diềm bia được chạm khắc các dải hồi văn và đồ án trang trí mang nét đặc trưng rất riêng biệt của mỹ thuật thời Nguyễn.

(2) Dạng bia “Vát vai”: cơ bản không có tai bia, trán bia và diềm bia để trơn. Nếu như dạng bia “Tam sơn”, “Ngũ nhạc” dành cho các đối tượng có thứ bậc cao, thì loại bia “Vát vai” chúng ta dễ dàng bắt gặp ở mộ các bà Cửu giai Tài nhân, Cung nhân. Đây là dấu hiệu nhận biết về thế thứ, phẩm cấp, qua đó cho thấy tính “điền chế” được áp dụng triệt để, thống nhất trong việc xây dựng và tạo tác bia mộ.

Dòng đại tự bố trí chính giữa lòng bia với nét khắc sâu, bố cục đăng đối và số lượng chữ được quy định khá chặt chẽ. Phần nội dung trên bia chủ yếu khắc ghi: họ + thứ bậc + tên thụy của các bà và dạng “bia ký” có thể nói là khá hiếm hoi. Một trong những dấu ấn khá đặc biệt là hệ thống văn bia tẩm mộ các phi tần rất ít khi

khắc ghi “dòng lạc khoản”, thay vào đó ở phần đầu dòng chính bảng lại khắc ghi một số chữ như: *Tiên triều* (先朝), *Tiền triều* (前朝), *Tiền tiền triều* (前前朝), *Tiền tiền tiền triều* (前前前朝). Cách khắc ghi này, dẫn đến những trở ngại nhất định trong việc xác định thời gian tạo lập bia hay niên đại của người quá cố dưới mộ. Do vậy, việc truy nguyên nguồn gốc, thân thế các bà lắm lúc khó khăn vô cùng.



Hình 9: Một số loại hình bia đá ở tẩm mộ các phi tần triều Nguyễn. Ảnh: Đỗ Minh Điền.

Bảng 3: Bảng lược kê một số tẩm mộ phi tần nhà Nguyễn ở Thừa Thiên Huế.⁽²¹⁾

Stt	Tên tẩm mộ	Văn bia	Địa chỉ và hiện trạng
(1)	(2)	(3)	(4)
01	Tẩm bà An tần Hồ thị ⁽²²⁾	An tần Hồ thị chi tẩm (安嬪胡氏之寢).	Số 28, hẻm 10, kiệt 373, đường Bùi Thị Xuân, Thủy Biều. Hiện trạng khá nguyên vẹn. Đã được trùng tu.
02	Tẩm bà Tín tần Nguyễn Thanh thị	Tín tần thụy Nhã Thục Nguyễn Thanh thị chi tẩm (信嬪謚雅淑阮清氏之寢).	Kiệt 257 đường Bùi Thị Xuân. La thành bị sụp đổ, nắm mộ được nhóm Nhóm Lửa Nhỏ (NLN) trùng tu và gắn bia định danh.
03	Tẩm bà Hòa tần Nguyễn Văn thị ⁽²³⁾	Tiền triều Hòa tần Nguyễn Văn thị chi tẩm (前朝和嬪阮文氏之寢).	Số 1, kiệt 09 đường Thân Trọng Phước, phường Thủy Biều. Hiện trạng khá nguyên vẹn.
04	Mộ bà Tu viên Phan thị	Tiền triều Cung tần Tu viên Phan thị chi mộ (前朝宮嬪修媛潘氏之墓).	Kiệt 80, đường Minh Mạng. Hiện trạng khá nguyên vẹn. La thành và nắm mộ được NLN trùng tu và gắn bia định danh.
05	Tẩm bà Tiệp dư Dương thị ⁽²⁴⁾	Tiền tiền triều Tiệp dư Dương thị chi tẩm (前前朝婕妤楊氏之寢).	Làng Lương Quán, phường Thủy Biều. La thành: đơn thành [Phương hình], nắm mộ dạng cổ lâu, đã được trùng tu.

(1)	(2)	(3)	(4)
06	Mộ bà Tiệp dư Nguyễn Thường thị	Tiếp dư Nguyễn Thường thị chi mộ (婕妤阮常氏之墓).	Đường Bùi Thị Xuân, Thủy Biều. Hiện trạng khá nguyên vẹn. NLN đã gắn bia định danh.
07	Mộ bà Tiệp dư Du Văn thị	Tiền triều Tiệp dư Du Văn thị, thụy Nhu Thuận, pháp danh Thanh Nguyên chi mộ (先朝婕妤攸文氏謚柔順法名清源之墓).	Xóm Cầu Bối, Vọng Cảnh, Thủy Xuân. La thành bị sụp đổ, nắm mộ được NLN trùng tu và gắn bia định danh.
08	Mộ bà Quý nhân Đỗ Thị Tùng ⁽²⁵⁾	Quý nhân Đỗ thị chi mộ (貴人杜氏之墓).	Số 234 đường Bùi Thị Xuân. La thành bị bong tróc nhẹ, cây đại xâm thực. Hiện trạng còn nguyên vẹn.
09	Mộ bà Quý nhân Cái thị ⁽²⁶⁾	Quý nhân Cái thị chi mộ (貴人蓋氏之墓)	Kiệt 588 đường Bùi Thị Xuân. La thành sụp đổ, nắm mộ được NLN trùng tu và gắn bia định danh.
10	Tẩm bà Quý nhân Nguyễn Hữu thị	Tiền triều Quý nhân, thụy Trang Thuận Nguyễn Hữu thị chi tẩm (前朝貴人謚莊順阮有氏之寢).	Kiệt 180 Lý Nam Đế, Hậu Thôn, Kim Long. La thành bị sụp đổ hoàn toàn, nắm mộ được NLN trùng tu và gắn bia định danh.
11	Mộ bà Quý nhân Đỗ Thị Tâm ⁽²⁷⁾	Tiền triều Quý nhân Đỗ thị chi mộ (前朝貴人杜氏之墓).	Khu tháp mộ chùa Viên Quang, tổ 20, khu vực 5, Thủy Xuân. Hiện trạng khá nguyên vẹn.
12	Mộ bà Mỹ nhân Phạm thị	Tiền triều Mỹ nhân Phạm thị, thụy Cẩn Thuận chi mộ (前朝美人范氏謚謹順之墓).	Số 9, kiệt 120, đường Điện Biên Phủ, phường Trường An. Hiện trạng nguyên vẹn.
13	Mộ bà Tài nhân Nguyễn Đăng thị	Tiền triều Tài nhân Nguyễn Đăng thị, thụy Thục Thuận chi mộ (前朝才人阮登氏謚淑順之墓).	Ngã ba Cư Chánh. La thành sụp đổ, NLN đã trùng tu nắm mộ và gắn bia định danh.
14	Mộ bà Tài nhân Đỗ Thị Cương ⁽²⁸⁾	Tiền triều Tài nhân Đỗ thị, thụy Thục Thuận chi mộ (前朝才人杜氏謚淑順之墓).	Số 25 Vũ Ngọc Phan, Thủy Xuân. La thành sụp đổ, nắm mộ được NLN trùng tu và gắn bia định danh.
15	Mộ bà Cửu giai Tài nhân Nguyễn thị	Tiền triều Cửu giai Tài nhân Nguyễn thị, thụy Nhu Thuận chi mộ (前朝九階才人阮氏謚柔順之墓).	Chân núi Ngự Bình. Đã được trùng tu và gắn bia định danh.
16	Mộ bà Tài nhân Nguyễn Nhược thị	Tài nhân, thụy Thục Thuận Nguyễn Nhược thị chi mộ (才人謚淑順阮若氏之墓).	Kiệt 86 đường Lê Ngô Cát. La thành sụp đổ hoàn toàn, nắm mộ được trùng tu và gắn bia định danh.
17	Mộ bà Tài nhân Trần thị	Tài nhân Trần thị chi mộ (才人陳氏之墓).	Kiệt 166 đường Điện Biên Phủ. La thành sụt lún nhẹ, cổng khá nguyên vẹn. Nắm mộ được trùng tu và gắn bia định danh.
18	Mộ bà Tài nhân Nguyễn Công thị ⁽²⁹⁾	Tiền triều Tài nhân Nguyễn Công thị, thụy Thục Thuận chi mộ (前朝才人阮公氏謚淑順之墓).	Đường Long Thọ (phía sau Trường Trung học Nguyễn Văn Trỗi), Thủy Biều. La thành bị sụp đổ, nắm mộ, bình phong tiền khá nguyên vẹn.

(1)	(2)	(3)	(4)
19	Mộ bà Tài nhân Nguyễn Duy thị ⁽³⁰⁾	Tiền triều Tài nhân Cửu giai Nguyễn Duy thị, thụy Thục Thuận chi mộ. Tự Đức thập thất niên tam nguyệt thập nhị nhật. Nữ trưởng công chúa Nguyễn Ngọc Đoan [...] phụng lập (先朝才人九階阮維氏謚淑順之墓。嗣德拾柒年參月拾貳日。女長公主阮玉端 [...] 奉立).	Số 522 đường Bùi Thị Xuân, Thủy Biều. La thành bị sụp đổ, nắm mộ được NLN trùng tu và gắn bia định danh.
20	Mộ bà Tài nhân Trương Thị Ân	Tiền triều Tài nhân Trương Thị Ân, thụy Thục Thuận chi mộ (前朝才人張氏謚淑順之墓).	Ngã ba Vọng Cảnh và đường Huyền Trân Công Chúa. La thành sụp đổ. NLN đã trùng tu và gắn bia định danh.
21	Mộ bà Cung nhân Nguyễn Văn thị ⁽³¹⁾	Đại Nam tiền triều Cung nhân Nguyễn Văn thị, thụy Thuận Khải chi mộ (大南前朝宮人阮文氏謚順凱之墓).	Đường Long Thọ (phía sau Trường Trung học Nguyễn Văn Trỗi), Thủy Biều. Hiện trạng khá nguyên vẹn, cây đại leo kín phần mộ.
22	Mộ bà Cung nhân Hồ ⁽³²⁾	Tiền triều Cung nhân Hồ thị chi mộ (先朝宮人胡氏之墓).	Số 620 đường Bùi Thị Xuân, Thủy Biều. Đã được trùng tu, bình phong và nghi môn còn nguyên vẹn.
23	Mộ bà Cung nhân Hồ Thị Ý ⁽³³⁾	Tiền triều Cung nhân Hồ Thị Ý chi phần (前朝宮人胡氏意之墳).	Hồ Điện, đường Bùi Thị Xuân, Thủy Biều. Hiện trạng khá nguyên vẹn. Trùng tu năm 2010.
24	Mộ bà Cung nhân Phan thị	Tiền triều Cung nhân Phan thị chi mộ (前朝宮人潘氏之墓).	La Khê Bãi, Hương Thọ, Hương Trà. La thành bị sụp đổ, phần nắm mộ được NLN trùng tu.
25	Tẩm bà Cung nhân Đặng Thị Yểu Diệu ⁽³⁴⁾	Tiền triều Cung nhân Đặng thị, thụy Huệ Thục chi tẩm (前朝前朝宮人鄧氏謚惠淑之寢).	Số 28, hẻm 09, kiệt 373, đường Bùi Thị Xuân, Thủy Biều. Song táng với công chúa Bình Long. La thành sụp đổ, nắm mộ được NLN trùng tu và gắn bia định danh.
26	Mộ bà Cung nhân Hoàng Thị Tĩnh	Tiền triều Cung nhân Hoàng Thị Tĩnh chi mộ (前朝宮人黃氏靜之墓).	Làng La Khê, Hương Thọ, Hương Trà. La thành sụp đổ hoàn toàn, nắm mộ được trùng tu và gắn bia định danh.
27	Mộ bà Cung nhân Lê thị	Đại Nam tiền triều Cung nhân Lê thị [...] Thuận chi mộ (大南前朝前朝宮人黎氏 [...] 順之墓).	Cồn mỏ làng Nho Lâm, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền. La thành không còn dấu vết, chỉ còn nắm mộ đất.
28	Mộ bà Cung nhân Lê thị	Cung nhân Lê thị chi mộ (宮人黎氏之墓).	Đường Bùi Thị Xuân, Thủy Biều. Hiện trạng khá nguyên vẹn. NLN đã gắn bia định danh.
29	Mộ bà Cung nhân Nguyễn Thị Hân	Đại Nam tiền triều Cung nhân Nguyễn Thị Hân chi mộ (大南先朝宮娥阮氏欣之墓).	Khu vực 4, Thủy Xuân. La thành bị sụp đổ, bình phong được NLN trùng tu và gắn bia định danh.

3.3. Thực trạng tâm mộ các phi tần triều Nguyễn trên địa bàn Thừa Thiên Huế

3.3.1. Sau năm 1945, triều Nguyễn cáo chung, vai trò của Tôn Nhơn Phủ chấm dứt, thì hệ thống tâm mộ của các phi tần hầu như đều chung cảnh ngộ điêu tàn. Trong số 69 tâm mộ của các phi tần triều Nguyễn mà chúng tôi may mắn được tiếp cận, ngoại trừ tâm các bà bậc Phi hầu như còn khá nguyên vẹn, thì có hơn 76% đang trong tình trạng xuống cấp trầm trọng. Riêng phần mộ của Tiệp dư, Quý nhân, Mỹ nhân, Tài nhân, Tài nhân vị nhập giai và Cung nhân, Cung nga phần lớn hư hại và hoang tàn đổ nát. Cụ thể, có 48/69 tâm mộ thành ngoại bị sụp đổ hoàn toàn; 29 cái thành nội sụt lún, cây cỏ xâm thực; 22 tâm mộ bình phong, án thờ, cổng hư hại; 47 tâm mộ có nấm mộ không còn nguyên hiện trạng. Trong đó, có khoảng 18% nấm mộ bị kẻ gian đào trộm, bia mộ bị xô ngã.

Số lượng tâm mộ các phi tần mà chúng ta biết đến hiện nay chỉ là số ít so với số lượng các bà phi tần dưới các triều vua Nguyễn. Trong 3 năm (2017 - 2020), hoạt động kiểm tìm lăng mộ “thất tung” của nhóm Nhóm Lửa Nhỏ (nhóm được thành lập với các thành viên là hậu duệ Nguyễn Phúc tộc) đã cho thấy vẫn còn rất nhiều ngôi mộ “ẩn khuất” đâu đó trên các gò đồi hay khuôn viên của các hộ dân. Bên cạnh những yếu tố khách quan do thời tiết (mưa, gió, lụt, bão) tàn phá, nạn “đào trộm” mồ mả (khoảng thập niên 80 thế kỷ XX), thì biến động lịch sử, quá trình đô thị hóa là nguyên nhân tác động rất lớn đến hệ thống tâm mộ phi tần triều Nguyễn:

- Cùng với những cơn dâu bể của thế cuộc, một quãng thời gian khá dài bị gián đoạn, con cháu tứ tán khắp nơi, hoạt động chăm sóc không được chu đáo, mặc cho mưa nắng bào mòn, khiến cho nhiều tâm mộ rơi vào hoang phế cực độ và vô tình trở thành những nấm mồ “vô chủ”. Sau năm 1945, việc hương khói mồ mả trong phạm vi Nguyễn Phúc tộc cơ bản do con cháu “trực hệ” thuộc các Phủ, Phòng đảm nhận. Tuy nhiên, có khá nhiều bà “vô tự”, không có hậu duệ kế thế, đặc biệt là các phi tần dưới triều vua Tự Đức. Chính vì thế, những tâm mộ này dường như bị lãng quên và sự kiện mộ bà Tài nhân Lê thị bị san ủi vào tháng 6 năm 2017 là một ví dụ điển hình.

- Chưa đầy 93 năm, tính từ thời điểm mà L. Cadière khảo sát lăng mộ trên địa phận phường Trường An, phường Phước Vĩnh và một phần phường An Cựu, chúng ta sẽ thấy hơn 90% lăng mộ mà ông nhắc đến, hiện tại đã không còn trên thực địa. Sức ép dân số dẫn đến quá trình đô thị hóa, dĩ nhiên đó là một xu thế tất yếu, thế nhưng, quá trình này đã xóa sổ không ít tâm mộ có giá trị về phương diện lịch sử, văn hóa. Trong những năm trở lại đây, với việc xây dựng hàng loạt các công trình, mở rộng khu quy hoạch như: hồ Khe Ngang, Bàu Vá, Bàu Hồ... đã góp phần không nhỏ trong việc thu hẹp số lượng tâm mộ.



Hình 10: Hiện trạng mộ bà Tài nhân Trương Thị Ân ở khu vực đồi Vọng Cảnh.
Ảnh: Tôn Thất Hộ.

3.3.2. Với tư cách là cơ quan chuyên môn phụ trách quản lý toàn bộ di sản triều Nguyễn trên địa bàn Thừa Thiên Huế, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế trong thời gian vừa qua đã đề ra nhiều giải pháp nhằm gìn giữ và phát huy giá trị hệ thống tâm mộ phi tần nhà Nguyễn. Bên cạnh đó, với tấm lòng hiếu kính tổ tiên, nhóm “Nhóm Lửa Nhỏ” được thành lập với mục đích tìm kiếm lăng mộ, từng bước tu bổ một số tâm mộ, gắn bia định danh. Đó là tín hiệu đáng mừng, cho thấy nỗ lực không biết mệt mỏi của tất cả những người tâm huyết với di sản tiền nhân. Tuy nhiên, trong chiến lược dài hạn, theo ý kiến chủ quan, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị sau đây:

- Thực hiện việc “kiểm kê”, xây dựng hệ thống bản đồ định vị và cơ sở dữ liệu toàn bộ tâm mộ phi tần triều Nguyễn. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý di sản văn hóa với Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, từng bước số hóa các nguồn tư liệu liên quan (thư tịch, hệ thống thần vị) nhằm công bố rộng rãi, qua đó, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với di sản.

- Đối với những khu vực phụ cận bao quanh lăng vua Tự Đức (Khiêm Lăng), lăng vua Thiệu Trị (Xương Lăng)... là những địa bàn tập trung tâm mộ các bà, nên chăng, cần mở rộng khu vực khoanh vùng bảo vệ. Việc nới rộng “biên độ” khu vực khoanh vùng bảo vệ, bên cạnh bảo tồn công trình phối thuộc, các ngọn núi tiền án, hệ thống bia định danh..., đồng thời thiết lập không gian cảnh quan văn hóa, tạo nên sự đa dạng trong quần thể lăng tẩm của các vua triều Nguyễn.

- Trong số các phi tần nhà Nguyễn, có rất nhiều bà để lại dấu ấn sâu đậm đối với lịch sử, văn hóa vùng đất Cổ đô. Do đó, phải nhanh chóng xây dựng hồ sơ khoa học, tiến tới công nhận di tích.

- Cần thiết có một “tiếng nói chung” đến từ đơn vị quản lý di sản với các cơ quan trên địa bàn tỉnh nhằm rà soát, đánh giá và cân nhắc tất cả dự án, khu vực quy hoạch đô thị trong tương lai. Có như vậy, chúng ta sẽ đảm bảo sự cân bằng giữa chiến lược phát triển kinh tế xã hội và bảo tồn di sản văn hóa, hạn chế những sự cố đáng tiếc như vụ mộ bà Tài nhân vừa qua. Đó cũng là chủ trương của Ủy ban Nhân dân tỉnh nhằm “xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô”, theo đúng tinh thần Nghị quyết số 54-NQ/TW (ngày 10 tháng 12 năm 2019) của Bộ Chính trị.

4. Một số nhận xét (Thay lời kết)

Có thể nói rằng, Huế là địa phương duy nhất trong cả nước may mắn sở hữu số lượng tằm mộ phi tần vô cùng lớn. Đây là hệ thống di sản vật chất hết sức giá trị, gắn liền với một giai tầng tôn quý bậc nhất dưới triều đại quân chủ. Tằm mộ phi tần triều Nguyễn là nơi còn lưu giữ, bảo tồn nguyên trạng kiến trúc ban đầu, đó chính là “quỹ kiến trúc” quý giá để chúng ta nghiên cứu và hiểu thêm về giá trị lịch sử, văn hóa, mỹ thuật và kiến trúc của triều Nguyễn.

Nhìn chung, tằm mộ phi tần có quy mô khá khiêm tốn. Tùy theo thứ vị Cung giai mà ấn định kiểu thức, tên gọi, la thành (kích thước, số lượng vòng thành), bia mộ. Nếu như lăng mộ giai đoạn chúa Nguyễn với sự đa dạng về kiểu thức, nghệ thuật tạo hình, thì tằm mộ phi tần nhà Nguyễn thể hiện sự khuôn mẫu, quy chuẩn đồng nhất về cấu trúc, kiểu dáng, phản ánh chân thực tính điển chế do triều đình quy định. Tằm mộ phi tần triều Nguyễn biểu thị sự đẳng đối, trang nghiêm, tính mực thước của một triều đại lấy Nho giáo làm nền tảng, trên tinh thần một xã hội tôn ti trật tự rõ ràng, pháp chế nghiêm minh.

Đơn giản tới đa các đồ án trang trí, điêu khắc, là nét chung dễ dàng nhận thấy ở các tằm mộ phi tần. Ngoại trừ một số ít bình phong tiền được trang trí hình ảnh chim Phụng, Long mã... hoặc trên bia với các họa tiết như Lưỡng long triều nhật, Cúc hóa long; rất hiếm khi chúng ta bắt gặp các chi tiết trang trí ở các la thành, nghi môn hay bình phong hậu. Từ thế kỷ XX trở đi, nhà Nguyễn mất dần thực quyền, ngân khố cạn kiệt, tằm mộ phi tần không còn được triều đình quan tâm như trước. Sự sa sút này thể hiện rất rõ trong việc phá vỡ cấu trúc, thu hẹp tỷ lệ và sự góp mặt của một số kiểu thức mới, vật liệu mới là một quy luật tất yếu.

Tằm mộ phi tần nhà Nguyễn là một trong những bộ phận quan trọng trong tổng thể kiến trúc cung đình triều Nguyễn. Đây là hệ thống di sản vô cùng giá trị mà rất nhiều tinh thành trong cả nước “ao ước” được sở hữu. Thế nhưng, “báu vật” này đang bị lãng quên và sẽ tiếp tục lãng quên, nếu như chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế và các cơ quan ban ngành không có phương án bảo tồn kịp thời.

Đ M Đ

CHÚ THÍCH

- (1) Trong tất cả bản dịch của các bộ chính sử nhà Nguyễn như: *Đại Nam thực lục*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* hay một số sách, báo, tạp chí đều ghi là “Thuận phi” (順妃). Song, qua đối chiếu với nguyên bản Hán văn thì danh hiệu này phải là “Thuần phi” (純妃).
- (2) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Chính biên, Bộ Lễ, quyển 76, Sách phong, Sách phong Cung giai]. Tập IV. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa, tr. 109.
- (3) Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* cho biết: năm Hồng Đức thứ 2 [1471], định thể lệ phong hộ. Đối với phi tần trong cung, ở hàng “**Tam phi**” (Quý phi, Minh phi, Kính phi): thổ thể nghiệp 30 mẫu, ruộng ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu ban cho 60 mẫu, ruộng tế tự 150 mẫu. **Tam chiêu** (Chiêu nghi, Chiêu dung, Chiêu viên): thổ thể nghiệp 24 mẫu, ruộng ban cho 200 mẫu, bãi trồng dâu 50 mẫu, ruộng tế tự 100 mẫu. **Tam tu** (Tu nghi, Tu dung, Tu viên): thổ thể nghiệp 22 mẫu, bãi trồng dâu 45 mẫu, ruộng ban cho 110 mẫu, ruộng tế tự 90 mẫu. **Tam sung** (Sung nghi, Sung dung, Sung viên): thổ thể nghiệp 20 mẫu, ruộng ban cho 100 mẫu, bãi trồng dâu 30 mẫu, ruộng tế tự 80 mẫu. Xem thêm: Lê Quý Đôn. (1977). *Kiến văn tiểu lục*. Bản dịch Phạm Trọng Điềm. Nxb Khoa học Xã hội, tr. 147.
- (4) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Sđd, tr. 110.
- (5) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Sđd, tr. 110.
- (6) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Sđd, tr. 110.
- (7) Nội Các triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Chính biên, Bộ Lễ, Sách phong Cung giai]. Quyển 76, tờ số 19.
- (8) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam thực lục*. [Đệ tứ kỷ, Quyển V, Thực lục về Dực tông Anh Hoàng đế]. Tập VII. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Giáo dục, tr. 164, 165.
- (9) Võ Hương An. (2012). *Từ điển nhà Nguyễn*. Nxb Nam Việt. USA, tr. 110.
- (10) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Tục biên, Bộ Lễ, quyển 21, Sách phong, Sách phong Cung giai]. Tập IV. Sđd, tr. 155.
- (11) Trong tất cả bản dịch của các bộ chính sử nhà Nguyễn như: *Đại Nam thực lục*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* hay một số sách, báo, tạp chí đều ghi là “Thuận phi” (順妃). Song, qua đối chiếu với nguyên bản Hán văn thì danh hiệu này phải là “Thuần phi” (純妃).
- (12) Trong bài viết này, chúng tôi tạm quy đổi các đơn vị đo chiều dài cơ bản gồm: trượng (1 trượng = 10 thước), thước (1 thước = 10 tấc), tấc (1 tấc = 10 phân), phân... theo giá trị chuẩn hóa thống nhất với 1 trượng = 4m, 1 thước = 0,4m. Việc quy đổi này chỉ nhằm mục đích giúp độc giả dễ hình dung. Trên thực tế số đo ở tất cả các tằm mộ đều không đồng nhất về kích thước. Chúng tôi sẽ đề cập rõ hơn về vấn đề này trong một chuyên khảo gần nhất có thể.
- (13) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Chính biên, Bộ Công, quyển 216, Lăng tẩm, Quy chế Viên tẩm]. Tập VII. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa, tr. 209.
- (14) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Chính biên, Bộ Công, quyển 216, Lăng tẩm, Quy chế Viên tẩm]. Sđd, tr. 209.
- (15) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2012). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Tục biên, Bộ Công, quyển 45, Lăng tẩm, Quy cách về Viên tẩm]. Tập IX. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa, tr. 56, 57.

- (16) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Chính biên, Bộ Công, quyển 216, Lãng tằm, Quy chế Viên tằm]. Sđd. Tr. 209.
- (17) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Chính biên, Bộ Công, quyển 216, Lãng tằm, Quy chế Viên tằm]. Sđd. Tr. 209, 210.
- (18) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2012). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Tục biên, Bộ Công, quyển 45, Lãng tằm, Quy cách về Viên tằm]. Sđd. Tr. 55.
- (19) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2012). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Tục biên, Bộ Công, quyển 45, Lãng tằm, Quy cách về Viên tằm]. Sđd. Tr. 56.
- (20) L. Cadière. (1928). *Lăng mộ của người An Nam trong phụ cận Huế* (Tombeaux Annamites dans les environs de Hué). “Những người bạn Cổ đô Huế” (*Bulletin des Amis du Vieux Hué*). Bản dịch Hà Xuân Liêm. Tập XV. Nxb Thuận Hóa. 2004. Tr. 11.
- (21) Bảng lược kê này do một số lý do khác nhau, nên chúng tôi chỉ tạm thống kê khái quát số ít tằm mộ của các phi tần nhà Nguyễn. Trên thực tế số lượng lớn hơn rất nhiều. Toàn bộ dữ liệu liên quan chúng tôi tập hợp từ kết quả khảo sát và tìm kiếm lăng mộ do nhóm “Nhóm Lửa Nhỏ” thực hiện từ năm 2017 đến nay (tháng 5/2020). Nhân đây, cho phép chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến tập thể thành viên nhóm “Nhóm Lửa Nhỏ”, đặc biệt là sự trợ giúp của thầy Nguyễn Phúc Vĩnh Ba và sự đồng hành không biết mệt mỏi của ông Tôn Thất Hộ. Trong điều kiện khó khăn về thời gian lẫn hạn chế năng lực, dĩ nhiên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong quý độc giả và toàn thể hậu duệ Nguyễn Phúc tộc (trong và ngoài nước) vì “chí hướng” chung mà hoan hỷ lượng thứ cho tác giả.
- (22) Bà húy là Hồ Thị Tuy (胡氏隨), ngoài ra còn có húy khác là Khiên (騫), vợ vua Thánh Tổ. Bà sinh năm 1795, ở Bái Ân, Triệu Phong, Quảng Trị, con gái ông Hồ Văn Chiêm. Năm Canh Ngọ [1810] được vào hầu Thánh Tổ nơi tiềm ẩn. Khi Thánh Tổ lên ngôi Hoàng đế bà được phong là Tài nhân, đến 1836 phong là An tần. Bà mất ngày 18 tháng 10 năm Kỷ Hợi [23/11/1839], thọ 45 tuổi, thụy là Hoa Diễm. Bà được vua sắc phong cho lập từ đường để thờ gọi là Ý Thực Từ. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Nxb Thuận Hóa. Tr. 244, 245.
- (23) Theo thần vị của bà tại lăng cho biết tên húy của bà là Khuê (奎): “Phụng vị hiển tiên tổ tỷ Nguyễn Phúc Hoàng tộc Nguyễn thị, húy Khuê, chánh hồn chi linh vị” (奉為顯先祖妣阮福皇族阮氏諱奎正魂之靈位). Tra cứu một số tư liệu, thì bà húy là Nguyễn Thị Khuê, ngoài ra còn có húy khác là “Bích Chi” (碧支), vợ vua Thánh Tổ [Minh Mạng]. Bà quê Phúc Lộc, Gia Định, là con gái của Chưởng cơ Nguyễn Văn Thanh, Trấn thủ tỉnh Quảng Yên. Năm sinh năm mất không rõ, thụy là Tĩnh Nhã. Bà sinh được 4 hoàng tử và 6 hoàng nữ. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 245.
- (24) Tiếp dư Dương thị, húy “Sự” (楊氏事), người Duy Xuyên (Điện Bàn, Quảng Nam), con gái của Tuyên uy Tướng quân Dương Trung. Ngoài hoàng tử Bính, bà còn sinh hạ một hoàng nữ, là An Lễ công chúa Nguyễn Phúc Ngọc Cửu [1802 - 1846], con gái thứ 8 của Gia Long. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 222, 223.
- (25) Quý nhân Đỗ Thị Tùng, húy “Bỉ”, người ấp Trâm Bái, xã Dương Xuân Thượng, con gái ông Hiệu úy Đỗ Văn Thạch. Bà sinh được 1 hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Phong. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 247.

- (26) Quý nhân Cái Thị Trinh, còn húy là “Đoan”, người Hải Lăng (Quảng Trị), ái nữ ông Hiệu úy Cẩm Y vệ Cái Văn Hợp. Bà sinh được 1 hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Túc và 2 hoàng nữ Nguyễn Phúc Hòa Thực, Nguyễn Phúc Vĩnh Gia. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 246.
- (27) Quý nhân Đỗ Thị Tâm [1804 - 1863], còn húy là “Duyên”, em cùng mẹ với Quý nhân Đỗ Thị Tùng. Bà sinh được 5 hoàng tử và 3 hoàng nữ. Bà mất ngày 25 tháng 02 năm Quý Hợi, được ban thụy Trang Thuận. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 247.
- (28) Tài nhân Đỗ Thị Cương, còn húy là “Mẫu Đơn”, bà là em gái Quý nhân Đỗ Thị Tâm và Quý nhân Đỗ Thị Tùng. Năm sinh, năm mất không rõ, khi mất được ban thụy Thục Thuận. Bà sinh được 1 hoàng tử: Nguyễn Phúc Miên Khé và 2 hoàng nữ: Nguyễn Phúc Nhân Thực, Nguyễn Phúc Gia Tĩnh. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 248.
- (29) Tài nhân Nguyễn Công thị, húy là Tính (姓), vợ vua Minh Mạng. Bà quê ở Quảng Trị, con gái của Tham tri Bộ Binh Nguyễn Công Tiệp. Năm sinh và năm mất không rõ, thụy là Thục Thuận. Bà sinh được 1 hoàng tử là Hải quốc công Nguyễn Phúc Miên Tăng. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 248.
- (30) Tài nhân Nguyễn Duy thị, húy là Nguyễn Thị Kinh (阮氏京), người Hương Sơn, Hà Tĩnh, là con gái ông Nguyễn Duy Tân, vợ vua Thiệu Trị, bà sinh hạ được 2 hoàng nữ: Nguyễn Phúc Phương Nghiên và Nguyễn Phúc Đoan Cẩn. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. tr. 284.
- (31) Đức bà húy là Nguyễn Thị Xuân (阮氏春), Cung nhân vua Minh Mạng. Bà là ái nữ của Chánh đội Nguyễn Văn Châu, người Gia Định. Năm sinh và năm mất không rõ. Bà sinh hạ được 1 hoàng tử: Nguyễn Phúc Miên Ký và 1 hoàng nữ là Nguyễn Phúc Nhu Tĩnh. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 250.
- (32) Theo gia phả họ Hồ làng Nguyệt Biều, tên húy của bà là Hồ Thị Ý Nhi (胡氏懿兒). Sách *Nguyễn Phúc tộc thế phả* cũng chép tương tự. Bà quê ở làng Nguyệt Biều, vợ vua Thiệu Trị. Bà sinh được một hoàng nữ là Nguyễn Phúc Gia Phúc. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 285.
- (33) Theo một số thông tin bà nguyên quán làng Nguyệt Biều. Năm sinh và năm mất không rõ.
- (34) Cung nhân Đặng thị, húy là Yểu Diệu (鄧氏窈窕). Lai lịch của bà chưa khảo được. Bà sinh hạ được 1 hoàng nữ, chính là công chúa Bình Long, húy là Nguyễn Phúc Trang Tường (阮福莊祥). Công chúa là con gái thứ 63 của Thánh Tổ với bà Đặng Thị Yểu Diệu, sinh vào ngày 25 tháng 3 năm Tân Sửu [16/4/1841]. Năm Đinh Tỵ bà hạ giá lấy Phò mã Đô úy, lãnh Đề đốc Thanh Hóa Nguyễn Như Cung (người huyện Quảng Điền, con trai Tiền quân Đô thống phủ đô thống Nguyễn Như Thăng). Bà mất 11/5/1864, lúc mới 24 tuổi, tặng Bình Long công chúa, ban thụy Lệ Nhã. Xem thêm: Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd. Tr. 249.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Nxb Thuận Hóa.
- L. Cadière. (1928). *Lăng mộ của người An Nam trong phụ cận Huế* (Tombeaux Annamites dans les environs de Hué). “Những người bạn Cổ đô Huế” (*Bulletin des Amis du Vieux Hué*). Bản dịch Hà Xuân Liêm. Tập XV. Nxb Thuận Hóa. 2004.

3. Lê Quý Đôn. (1977). *Kiến văn tiểu lục*. Bản dịch Phạm Trọng Điềm. Nxb Khoa học Xã hội.
4. Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Chính biên, Bộ Lễ, quyển 76, Sách phong, Sách phong Cung giai]. Tập IV. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa.
5. Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Chính biên, Bộ Công, quyển 216, Lăng tẩm, Quy chế Viên tẩm]. Tập VII. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa.
6. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Tục biên, Bộ Lễ, quyển 21, Sách phong, Sách phong Cung giai]. Tập IV. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa.
7. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam thực lục*. [Đệ tứ kỷ, Quyển V, Thực lục về Dực tông Anh Hoàng đế]. Tập VII. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Giáo dục.
8. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2012). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. [Tục biên, Bộ Công, quyển 45, Lăng tẩm, Quy cách về Viên tẩm]. Tập IX. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa.
9. Võ Hương An. (2012). *Từ điển nhà Nguyễn*. Nxb Nam Việt. USA.

TÓM TẮT

Tẩm mộ phi tần nhà Nguyễn là một trong những bộ phận quan trọng trong tổng thể kiến trúc cung đình triều Nguyễn. Đây là hệ thống di sản vô cùng giá trị, gắn liền với một giai tầng tôn quý bậc nhất dưới triều đại quân chủ. Thông qua các nguồn sử liệu, kết hợp kết quả điền dã, trong bài viết này, chúng tôi tập trung khảo sát, sơ lược tìm hiểu một số tẩm mộ phi tần nhà Nguyễn hiện đang tồn tại trên đất Huế. Qua đó, nhằm làm rõ cấu trúc, hiện trạng và bước đầu đánh giá giá trị của hệ thống tẩm mộ phi tần nhà Nguyễn.

ABSTRACT

INITIAL EVALUATION ABOUT THE ROYAL CONCUBINES'S TOMBS OF NGUYỄN DYNASTY

Royal concubines's tombs of Nguyễn Dynasty is one of the important parts of the overall architecture of the Nguyễn Dynasty. This is a system of extremely valuable heritages, associated with the most noble class under the monarchy. Through historical sources, combining field results, in this article we focus on surveying and briefly understanding some royal concubines's tombs that exist in Huế Capital under the Nguyễn Dynasty. Thereby, in order to clarify the structure, current status and initial evaluation about this tomb system.

CÁC THÁI - GIÁM CỦA TRIỀU - ĐÌNH HUẾ

A. Laborde

Lời Tòa soạn: Thái giám hay hoạn quan là những nam nhân bị khiếm khuyết bộ phận sinh dục (do bẩm sinh hay bị cắt bỏ) được tuyển vào cung để hầu hạ vua chúa, hậu phi và làm những việc tạp dịch hàng ngày. Dù bị xem là hạng nô bộc nhưng lịch sử cho thấy, việc tin dùng hoạn quan và đam mê tửu sắc chính là nguyên nhân làm suy yếu hay sụp đổ nhiều triều đại. So với Trung Quốc, lịch sử Việt Nam ít có nạn hoạn quan lộng quyền khuynh đảo cả triều chính, nhất là dưới triều Nguyễn, suốt gần 150 năm tồn tại, không thấy có vị “quan hoạn” nào gây bất ổn trong nội cung. Ghi chép về họ trong chính sử của triều đình vì vậy rất mờ nhạt. Bài viết dưới đây của tác giả người Pháp A. Laborde đăng trên tạp san *Đô thành hiếu cổ (BAVH)* vào năm 1918 là một trong số ít công trình khảo cứu sớm nhất và tương đối chi tiết về đời sống và sinh hoạt của các thái giám thời Nguyễn. Bản dịch của bài viết đăng trên tạp chí *Dòng Việt* số 14-2003, Số kỷ niệm 200 năm Cố đô Huế, Tập 3, xuất bản tại Hoa Kỳ. Chúng tôi đăng lại nguyên văn, có bổ sung một số chú giải đặt trong ngoặc vuông hoặc cuối trang để bạn đọc tiện theo dõi. *NC&PT*.

Chế độ pháp lý hiện hành chi phối sự phục vụ của các Thái giám ở An nam là sản phẩm của vua Minh Mạng được quy định trong chỉ dụ ngày mùng 1 tháng 12 năm thứ 17 của triều Ngải (17-3-1836). Bằng tờ dụ này, vua Minh Mạng đã chấm dứt những sự lạm dụng thái quá của các Thái giám [như đã từng xảy ra] ở triều đình bên Trung quốc mà một số đã trở thành nổi tiếng do hành động can thiệp vào công việc của triều đình.

Các Thái giám cho đến thời Minh Mạng không phụ thuộc vào một qui tắc pháp luật nào cụ thể cả, họ sống ngoài lề so với các quan chức khác trong Hoàng cung, đi lượm nơi này nơi kia chút ít ân huệ và vì chẳng có sách vở nào qui định chức vị của họ, nên nhiều khi họ lấn chiếm quyền bính to lớn trong việc điều hành Nội cung, ngay đến cả việc trị vì trong vương quốc. Thật vậy; rất dễ dàng chi phối các vị vua bằng cách sẵn sàng nịnh bợ trong các thói quen mật thiết và ngay cả trong tật xấu của vua, cũng như dễ dàng tạo cho họ một quyền lực rất đáng ghê sợ khi mà họ trở nên bất công và hung dữ do sự tàn tật của họ.

Phải nghĩ rằng Minh Mạng đã lăm bực mình về họ, do đó Ngải đã hành động kịp thời không chỉ để hạn chế các ưu đãi đối với họ đã có từ trước mà còn để hạ bệ họ xuống địa vị của những kẻ hầu hạ. Ngải đã nêu trong tờ dụ nói trên là từ rày về sau Thái giám không được có một danh tước gì mà trong bất cứ trường hợp nào họ cũng không thể được tiến cử vào hệ thống quan lại.

Ngải nhắc lại là các chức vụ của họ chỉ để chuyển giao các mệnh lệnh và họ không được dính dáng trong bất cứ trường hợp nào vào việc cai trị của triều đình; Ngải qui định rõ là Thái giám nào phạm tội bất tuân các luật lệ mới này sẽ bị trị